

**CHÍNH PHỦ**

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 6-CP  
ngày 20-1-1995 quy định chi tiết  
một số Điều của Bộ Luật Lao  
động về an toàn lao động, vệ  
sinh lao động.**

**CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng  
9 năm 1992;*

*Căn cứ Bộ Luật Lao động ngày 23 tháng 6 năm  
1994;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động -  
Thương binh và Xã hội và Bộ trưởng Bộ Y tế.*

**NGHỊ ĐỊNH:****Chương I****ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG**

**Điều 1.** - Đối tượng và phạm vi được áp dụng các quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động bao gồm: mọi tổ chức, cá nhân sử dụng lao động, mọi công chức, viên chức, mọi người lao động kể cả người học nghề, tập nghề, thử việc trong các lĩnh vực, các thành phần kinh tế, trong lực lượng vũ trang và các doanh nghiệp, tổ chức, cơ quan nước ngoài, tổ chức quốc tế đang trên lãnh thổ Việt Nam.

**Chương II****AN TOÀN LAO ĐỘNG, VỆ SINH LAO ĐỘNG**

**Điều 2.** - Luận chứng về các biện pháp bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động theo Khoản 1 Điều 96 của Bộ Luật Lao động được quy định như sau:

1. Việc xây dựng mới, mở rộng, hoặc cải tạo các công trình, các cơ sở để sản xuất, sử dụng, bảo quản, lưu giữ các loại máy, thiết bị, vật tư, các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao

động, vệ sinh lao động thì chủ đầu tư, người sử dụng lao động phải lập luận chứng về các biện pháp bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động. Trong luận chứng phải có những nội dung chính sau đây:

- Địa điểm, quy mô, khoảng cách từ công trình, cơ sở đến khu dân cư và các công trình khác;
- Những yếu tố nguy hiểm, có hại, sự cố có thể phát sinh trong quá trình hoạt động; các giải pháp phòng ngừa, xử lý.

Luận chứng phải được cơ quan Thanh tra Nhà nước về an toàn lao động hoặc vệ sinh lao động phối hợp với các cơ quan hữu quan chấp thuận.

2. Khi thực hiện phải cụ thể hóa các yêu cầu, nội dung, biện pháp bảo đảm an toàn và vệ sinh lao động theo luận chứng đã được duyệt.

**Điều 3.** - Việc thực hiện tiêu chuẩn an toàn lao động, vệ sinh lao động theo Khoản 2 Điều 96 của Bộ Luật Lao động được quy định như sau:

1. Tiêu chuẩn, quy phạm an toàn lao động, vệ sinh lao động là tiêu chuẩn, quy phạm bắt buộc thực hiện. Căn cứ tiêu chuẩn, quy phạm an toàn lao động, vệ sinh lao động của Nhà nước, của ngành ban hành, người sử dụng lao động phải xây dựng quy trình bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động cho từng loại máy, thiết bị, vật tư và nội quy an toàn, vệ sinh nơi làm việc.

2. Việc nhập khẩu các loại máy, thiết bị, vật tư, các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, vệ sinh lao động phải được Bộ Thương mại cho phép sau khi trao đổi và được sự nhất trí của cơ quan Thanh tra Nhà nước về an toàn lao động hoặc vệ sinh lao động.

**Điều 4.** - Nơi làm việc có nhiều yếu tố độc hại theo Điều 97 của Bộ Luật Lao động được quy định như sau:

1. Phải kiểm tra đo lường các yếu tố độc hại ít nhất mỗi năm một lần;
2. Khi thấy có hiện tượng bất thường thì phải kiểm tra và có biện pháp xử lý ngay;
3. Lập hồ sơ lưu giữ và theo dõi đúng quy định.

**Điều 5.** - Nơi làm việc có yếu tố nguy hiểm, độc hại dễ gây tai nạn lao động theo Điều 100 của Bộ Luật Lao động được quy định như sau:

1. Phải có đủ trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế thích hợp như thuốc, bông, băng, băng ca, mặt nạ phòng độc, xe cấp cứu;

2. Có phương án dự phòng xử lý các sự cố có thể xảy ra;

3. Phải tổ chức đội cấp cứu;

4. Đội cấp cứu và người lao động phải được thường xuyên tập luyện.

Đối với các đơn vị nhỏ, người sử dụng lao động tự tổ chức hoặc liên kết với các đơn vị lân cận, các tổ chức cấp cứu của địa phương để giải quyết các sự cố khẩn cấp, nhưng vẫn phải tổ chức sơ cứu tại chỗ.

**Điều 6.** - Người lao động làm công việc có yếu tố nguy hiểm, độc hại phải được trang cấp đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân đúng quy cách và chất lượng theo tiêu chuẩn, danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định.

**Điều 7.** - Việc định kỳ khám sức khỏe, huấn luyện về an toàn lao động, vệ sinh lao động theo Điều 102 của Bộ Luật Lao động được quy định như sau:

1. Phải khám sức khỏe cho người lao động, kể cả người học nghề, tập nghề, ít nhất một lần trong một năm, đối với người làm công việc nặng nhọc, độc hại thì ít nhất 6 tháng một lần.

Việc khám sức khỏe phải do các đơn vị y tế Nhà nước thực hiện.

2. Trước khi nhận việc, người lao động, kể cả người học nghề, tập nghề, phải được hướng dẫn, huấn luyện về an toàn lao động, vệ sinh lao động.

Sau đó căn cứ vào công việc của từng người đảm nhiệm mà huấn luyện, hướng dẫn các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh phù hợp và phải được kiểm tra thực hành chặt chẽ.

Nghiêm cấm việc sử dụng người lao động chưa được huấn luyện và chưa được cấp thẻ an toàn làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, vệ sinh lao động.

Việc tổ chức huấn luyện, mở lớp huấn luyện phải theo sự hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

**Điều 8.** - Bồi dưỡng bằng hiện vật theo Điều 104 của Bộ Luật Lao động được quy định như sau:

1. Bồi dưỡng đúng số lượng, cơ cấu theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế;

2. Bồi dưỡng tại chỗ theo ca làm việc;

3. Cấm trả tiền thay bồi dưỡng bằng hiện vật.

### Chương III

## TAI NẠN LAO ĐỘNG VÀ BỆNH NGHỀ NGHIỆP

**Điều 9.** - Trách nhiệm của người sử dụng lao động đối với người bị tai nạn lao động theo Điều 105 của Bộ Luật Lao động được quy định như sau:

1. Kịp thời sơ cứu, cấp cứu tại chỗ người bị tai nạn lao động sau đó phải chuyển ngay đến cơ sở y tế;

2. Trường hợp xảy ra tai nạn lao động chết người hoặc làm nhiều người bị thương nặng thì phải giữ nguyên hiện trường nơi xảy ra tai nạn lao động và báo ngay với cơ quan Thanh tra Nhà nước về an toàn lao động và cơ quan Công an địa phương.

**Điều 10.** - Trách nhiệm của người sử dụng lao động đối với người bị bệnh nghề nghiệp theo Điều 106 của Bộ Luật Lao động được quy định như sau:

1. Người bị bệnh nghề nghiệp được điều trị theo chuyên khoa.

2. Sau khi điều trị, tùy theo danh mục các loại bệnh nghề nghiệp, ít nhất cũng được khám sức khỏe 6 tháng một lần và được lập hồ sơ sức khỏe riêng biệt.

Nội dung hồ sơ và chế độ quản lý, lưu trữ hồ sơ do Bộ Y tế quy định.

**Điều 11.** -

1. Người sử dụng lao động có trách nhiệm bồi thường cho người lao động bị tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp theo Khoản 3 Điều 107 của Bộ Luật Lao động.

2. Trường hợp doanh nghiệp tuyển người vào học nghề, tập nghề để làm việc tại doanh nghiệp theo Khoản 2 Điều 23 của Bộ Luật Lao động, nếu trong quá trình học nghề, tập nghề xảy ra tai nạn lao động thì người sử dụng lao động có trách nhiệm bồi thường ít nhất bằng 30 tháng lương tối thiểu cho người bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên hoặc cho thân nhân người chết do tai nạn lao động mà không do lỗi của người lao động. Trường hợp do lỗi của người học nghề, tập nghề thì cũng được người sử dụng lao động trợ cấp một khoản tiền ít nhất bằng 12 tháng lương tối thiểu.

0965147

LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com

**Điều 12.** - Việc điều tra, lập biên bản, thống kê, báo cáo các vụ tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp theo Điều 108 của Bộ Luật Lao động được quy định như sau:

1. Khi xảy ra tai nạn lao động, người sử dụng lao động phải tổ chức việc điều tra, lập biên bản, có sự tham gia của đại diện Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở.

Biên bản phải ghi đầy đủ diễn biến của vụ tai nạn, thương tích nạn nhân, mức độ thiệt hại, nguyên nhân xảy ra, quy trách nhiệm để xảy ra tai nạn, có chữ ký của người sử dụng lao động và đại diện Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở.

2. Tất cả các vụ tai nạn lao động, các trường hợp bị bệnh nghề nghiệp đều phải được khai báo, thống kê và báo cáo theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế.

#### Chương IV

### QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG, NGƯỜI LAO ĐỘNG

**Điều 13.** - Người sử dụng lao động có nghĩa vụ:

1. Hàng năm, khi xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp phải lập kế hoạch, biện pháp an toàn lao động, vệ sinh lao động và cải thiện điều kiện lao động;

2. Trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân và thực hiện các chế độ khác về an toàn lao động, vệ sinh lao động đối với người lao động theo quy định của Nhà nước;

3. Cử người giám sát việc thực hiện các quy định, nội quy, biện pháp an toàn lao động, vệ sinh lao động trong doanh nghiệp; phối hợp với công đoàn cơ sở xây dựng và duy trì sự hoạt động của mạng lưới an toàn và vệ sinh viên;

4. Xây dựng nội quy, quy trình an toàn lao động, vệ sinh lao động phù hợp với từng loại máy, thiết bị, vật tư kể cả khi đổi mới công nghệ, máy, thiết bị, vật tư và nơi làm việc theo tiêu chuẩn quy định của Nhà nước;

5. Tổ chức huấn luyện, hướng dẫn các tiêu chuẩn, quy định, biện pháp an toàn, vệ sinh lao động đối với người lao động;

6. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo tiêu chuẩn, chế độ quy định;

7. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định khai báo, điều tra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo kết quả tình hình thực hiện an toàn lao động, vệ sinh lao động, cải thiện điều kiện lao động với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi doanh nghiệp hoạt động.

**Điều 14.** - Người sử dụng lao động có quyền:

1. Buộc người lao động phải tuân thủ các quy định, nội quy, biện pháp an toàn lao động, vệ sinh lao động;

2. Khen thưởng người chấp hành tốt và kỷ luật người vi phạm trong việc thực hiện an toàn lao động, vệ sinh lao động;

3. Khiếu nại với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quyết định của Thanh tra viên lao động về an toàn lao động, vệ sinh lao động nhưng vẫn phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định đó.

**Điều 15.** - Người lao động có nghĩa vụ:

1. Chấp hành các quy định, nội quy về an toàn lao động, vệ sinh lao động có liên quan đến công việc, nhiệm vụ được giao;

2. Phải sử dụng và bảo quản các phương tiện bảo vệ cá nhân đã được trang cấp, các thiết bị an toàn, vệ sinh nơi làm việc, nếu làm mất hoặc hư hỏng thì phải bồi thường;

3. Phải báo cáo kịp thời với người có trách nhiệm khi phát hiện nguy cơ gây tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, gây độc hại hoặc sự cố nguy hiểm, tham gia cấp cứu và khắc phục hậu quả tai nạn lao động khi có lệnh của người sử dụng lao động.

**Điều 16.** - Người lao động có quyền:

1. Yêu cầu người sử dụng lao động bảo đảm điều kiện làm việc an toàn, vệ sinh, cải thiện điều kiện lao động; trang cấp đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân, huấn luyện, thực hiện biện pháp an toàn lao động, vệ sinh lao động;

2. Từ chối làm công việc hoặc rời bỏ nơi làm việc khi thấy rõ có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, đe dọa nghiêm trọng tính mạng, sức khỏe của mình và phải báo ngay với người phụ trách trực tiếp; từ chối trở lại làm việc nơi nói trên nếu những nguy cơ đó chưa được khắc phục;

3. Khiếu nại hoặc tố cáo với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khi người sử dụng lao động vi phạm quy định của Nhà nước hoặc không thực hiện đúng các giao kết về an toàn lao động, vệ sinh lao động trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động.

### Chương V

## TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Điều 17.- Việc lập Chương trình quốc gia về bảo hộ lao động, an toàn lao động, vệ sinh lao động theo Khoản 2 Điều 95 của Bộ Luật Lao động được quy định như sau:

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng Chương trình quốc gia về bảo hộ lao động, an toàn lao động, vệ sinh lao động trình Chính phủ phê duyệt đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội.

2. Hàng năm, căn cứ vào Chương trình quốc gia về bảo hộ lao động, an toàn lao động, vệ sinh lao động đã được phê duyệt, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Bộ Tài chính lập kế hoạch kinh phí đầu tư cho Chương trình này để đưa vào kế hoạch ngân sách Nhà nước.

Điều 18.- Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng quốc gia về an toàn lao động, vệ sinh lao động làm nhiệm vụ tư vấn cho Thủ tướng Chính phủ và tổ chức phối hợp hoạt động của các ngành, các cấp về an toàn lao động, vệ sinh lao động. Thành phần của Hội đồng do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 19.- Quản lý Nhà nước về an toàn lao động, vệ sinh lao động theo các Điều 180 và 181 của Bộ Luật Lao động được quy định như sau:

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành các văn bản pháp luật, các chính sách, chế độ về bảo hộ lao động, an toàn lao động, vệ sinh lao động; xây dựng ban hành và quản lý thống nhất hệ thống quy phạm Nhà nước về an toàn lao động, tiêu chuẩn phân loại lao động theo điều kiện lao động; hướng dẫn

chỉ đạo các ngành, các cấp thực hiện thanh tra về an toàn lao động; tổ chức thông tin, huấn luyện về an toàn lao động, vệ sinh lao động; hợp tác với nước ngoài và các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực an toàn lao động;

2. Bộ Y tế có trách nhiệm xây dựng ban hành và quản lý thống nhất hệ thống quy phạm vệ sinh lao động, tiêu chuẩn sức khỏe đối với các nghề, các công việc; hướng dẫn chỉ đạo các ngành, các cấp thực hiện về vệ sinh lao động; thanh tra về vệ sinh lao động; tổ chức khám sức khỏe và điều trị bệnh nghề nghiệp; hợp tác với nước ngoài và các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực vệ sinh lao động;

3. Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường có trách nhiệm quản lý thống nhất việc nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật về an toàn lao động, vệ sinh lao động; ban hành hệ thống tiêu chuẩn chất lượng, quy cách các phương tiện bảo vệ cá nhân trong lao động; phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế xây dựng ban hành và quản lý thống nhất hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật Nhà nước về an toàn lao động, vệ sinh lao động;

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm chỉ đạo việc đưa nội dung an toàn lao động, vệ sinh lao động vào chương trình giảng dạy trong các trường đại học; các trường kỹ thuật, nghiệp vụ, quản lý và dạy nghề;

5. Các Bộ, ngành ban hành hệ thống tiêu chuẩn quy phạm, an toàn lao động, vệ sinh lao động cấp ngành sau khi có thỏa thuận bằng văn bản của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế;

6. Việc quản lý Nhà nước về an toàn lao động, vệ sinh lao động trong các lĩnh vực: phóng xạ, thăm dò khai thác dầu khí, các phương tiện vận tải đường sắt, đường thủy, đường bộ, đường hàng không và các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang do các cơ quan quản lý ngành đó chịu trách nhiệm có sự phối hợp của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế;

7. Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện quản lý Nhà nước về an toàn lao động, vệ sinh lao động trong phạm vi địa phương mình; xây dựng các mục tiêu bảo đảm an toàn, vệ sinh và cải thiện điều kiện lao động đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và ngân sách của địa phương.

*Chương VI*

## TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN

*Điều 20.*- Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tham gia với cơ quan Nhà nước xây dựng Chương trình quốc gia về bảo hộ lao động, an toàn lao động, vệ sinh lao động; xây dựng Chương trình nghiên cứu khoa học và xây dựng pháp luật, chính sách, chế độ về bảo hộ lao động, an toàn lao động và vệ sinh lao động.

*Điều 21.*

1. Tổ chức công đoàn phối hợp với cơ quan lao động - thương binh và xã hội, cơ quan y tế cùng cấp tham gia kiểm tra, giám sát việc quản lý Nhà nước, việc thi hành các quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động; tham gia điều tra tai nạn lao động.

2. Công đoàn cơ sở có trách nhiệm giáo dục, vận động người lao động chấp hành nghiêm chỉnh các quy định, nội quy về an toàn lao động, vệ sinh lao động; xây dựng phong trào bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động trong doanh nghiệp, đơn vị; xây dựng và duy trì hoạt động của mạng lưới an toàn và vệ sinh viên.

*Chương VII*

## ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

*Điều 22.*- Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1995. Những quy định trước đây về an toàn lao động, vệ sinh lao động trái với Bộ Luật Lao động và Nghị định này đều bãi bỏ.

*Điều 23.*- Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Y tế chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

*Điều 24.*- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ  
Thủ tướng  
VÔ VĂN KIẾT

## NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 7-CP ngày 20-1-1995 quy định chi tiết một số Điều của Bộ Luật Lao động về đưa người lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

## CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;*

*Căn cứ Bộ Luật Lao động ngày 23 tháng 6 năm 1994;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,*

## NGHỊ ĐỊNH:

*Chương I*

## NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

*Điều 1.*- Nghị định này quy định chi tiết việc đưa người lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo các Điều 18, 134, 135, 184 và các điều khoản khác có liên quan được quy định trong Bộ Luật Lao động.

*Điều 2.*- Đưa người lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài là một nương giải quyết việc làm, tạo thu nhập cho người lao động, góp phần tăng nguồn thu ngoại tệ cho đất nước và tăng cường quan hệ hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật giữa Việt Nam với nước ngoài theo nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, tôn trọng pháp luật và phong tục tập quán của nhau.

*Điều 3.*

1. Người được phép đi làm việc ở nước ngoài phải là công dân Việt Nam đủ 18 tuổi trở lên, có đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi, chấp hành đầy đủ nghĩa vụ công dân theo pháp luật và tự nguyện đi làm việc ở nước ngoài, bao gồm những người có nghề (kể cả chuyên gia) và chưa có nghề, học sinh tốt nghiệp các trường chuyên nghiệp trong và ngoài nước; người làm việc trong các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, trong các đơn vị hành chính sự nghiệp, các tổ

09652147